

Họ và tên Lớp 2A2

Ngàythángnăm 2022

BÀI ÔN TẬP MÔN TOÁN - KHỐI 2 – ĐỀ 1

(Tuần tự học)

PHẦN I : TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Bài 1. Tổng của 49 và 39 là:

- A. 10 B. 20 C. 88 D. 98

Bài 2. Hiệu của 82 và 18 là:

- A. 54 B. 64 C. 100 D. 90

Bài 3. $x - 27 = 43$. Vậy:

- A. $x = 60$ B. $x = 70$ C. $x = 26$ D. $x = 16$

Bài 4. $75 - x = 16$. Vậy:

- A. $x = 69$ B. $x = 91$ C. $x = 81$ D. $x = 59$

Bài 5. Một cửa hàng có 72 kg gạo nếp và gạo tẻ. Trong đó có 28 kg gạo nếp. Hỏi cửa hàng có bao nhiêu ki lô gam gạo tẻ ?

- A. 100 kg B. 90 kg C. 44 kg D. 54 kg

PHẦN II. TỰ LUẬN

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$$37 + 35 + 18$$

.....

.....

.....

.....

$$42 + 9 + 15$$

.....

.....

.....

.....

$$12 + 12 + 12 + 12$$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Tóm tắt

Bài giải

Có : 29 con gà

Có : 54 con vịt

Cócon gà và vịt ?

Bài 3:

Bao gạo nặng 38kg . Bao gạo nặng hơn bao ngô 14 kg. Hỏi bao ngô nặng bao nhiêu ki- lô- gam ?

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 4 :

Tấm vải xanh dài 43m. Tấm vải xanh ngắn hơn tấm vải đỏ 37m . Hỏi tấm vải đỏ dài bao nhiêu mét ?

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 5 :

Lớp 2A có 47 bạn học sinh. Lớp 2A có ít hơn lớp 2B là 6 bạn học sinh. Hỏi :

- a. Lớp 2B có bao nhiêu bạn học sinh ?
- b. Cả hai lớp 2A và lớp 2B có tất cả bao nhiêu bạn học sinh ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN BÀI ÔN TẬP MÔN TOÁN - KHỐI 2 – ĐỀ 1

PHẦN I : TRẮC NGHIỆM Đáp án đúng

Bài 1: C.88

Bài 2: B.64

Bài 3: B70

Bài 4: D.59

Bài 5: C.44kg

PHẦN II : TỰ LUẬN

Bài 1: Kết quả đúng là :

a. 90

b. 66

c. 48

Bài 2 : Bài giải

Có tất cả số con gà và con vịt là :

$$29 + 54 = 83 \text{ (con)}$$

Đáp số : 83 con gà và con vịt

Bài 3: Bài giải

Bao ngô nặng số ki- lô- gam là :

$$38 - 14 = 24 \text{ (kg)}$$

Đáp số : 24 ki-lô-gam ngô

Bài 4: Bài giải

Tấm vải đỏ dài số mét là :

$$43 + 37 - 80 \text{ (m)}$$

Đáp số : 80 mét

Bài 5: Bài giải :

a. Lớp 2B có số bạn học sinh là :

$$47 + 6 = 53 \text{ (bạn)}$$

b. Cả hai lớp có số bạn học sinh là :

$$47 + 53 = 100 \text{ (bạn)}$$

Đáp số : a. 53 bạn học sinh

b. 100 bạn học sinh

BÀI ÔN TẬP MÔN TOÁN - KHỐI 2 – ĐỀ 2

(Tuần tự học)

PHẦN I : TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Bài 1 : Kết quả của phép tính : $24 + 25 - 19 = ?$

- A. 30 B. 40 C. 20 D. 50

Bài 2: Kết quả của phép tính : $2 \times 9 + 15 = ?$

- A. 13 B. 33 C. 43 D. 53

Bài 3: Cách đọc nào đúng : $3 \times 4 = 12$

- A. Ba bốn mười hai B. Bốn ba mười hai
C. Ba nhân bốn mười hai D. Ba nhân bốn bằng mười hai

Bài 4: 4 được lấy 5 lần ta có phép nhân ?

- A. $4 + 5$ b. $5 + 4$ C. 4×5 D. 5×4

Bài 5: Trong phép nhân $2 \times 6 = 12$ ta có ?

- A. 2 là số hạng ; 6 là số hạng ; 12 là tổng
B. 2 là thừa số ; 6 là thừa số ; 12 là hiệu
C. 2 là thừa số ; 6 là tích; 12 là thừa số
D. 2 là thừa số; 6 là thừa số ; 12 là tích

Bài 6: Mỗi con gà có 2 cái chân. Hỏi 8 con gà có bao nhiêu cái chân ?

- A. 10 cái chân B. 12 cái chân C. 16 cái chân D. 20 cái chân

PHẦN II. TỰ LUẬN

Bài 1: Chuyển các tích sau thành tổng các số hạng bằng nhau rồi tính kết quả.

- $3 \times 7 = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$
- $3 \times 5 = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$
- $3 \times 6 = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$

Bài 2: Chuyển tổng các số hạng bằng nhau thành phép nhân rồi tính kết quả.

- $3 + 3 + 3 + 3 = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$
- $3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$
- $5 + 5 + 5 + 5 + 5 = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$

Bài 3:

Mỗi con gà có 2 cái chân. Hỏi 7 con gà có bao nhiêu cái chân ?

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 4: May một bộ quần áo hết 3 mét vải. Hỏi nếu may 8 bộ quần áo cần có bao nhiêu mét vải ?

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 5 : Điền dấu $> < =$ vào ô trống :

a) $2 \times 4 + 32$ $2 \times 5 + 23$

.....

.....

b) $2 \times 10 + 67$ $2 \times 7 + 54$

.....

.....

Bài 6: Viết tiếp 3 số vào chỗ chấm :

a, 8, 10, 12,,,, 20.

b, 20, 18, 16,,,, 8.

C, 24, 21, 18,,6.

PHẦN I : TRẮC NGHIỆM Đáp án đúng

Bài 1: A. 30

Bài 2: B. 33

Bài 3: D. Ba nhân bốn bằng mười hai

Bài 4: C. 4×5

Bài 5: D. 2 là thừa số; 6 là thừa số ; 12 là tích

Bài 6 : C.16 cái chân

PHẦN II : TỰ LUẬN

Bài 1: Chuyển các tích sau thành tổng các số hạng bằng nhau rồi tính kết quả.

- $3 \times 7 = 3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 21$
- $3 \times 5 = 3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 15$
- $3 \times 6 = 3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 18$

Bài 2: Chuyển tổng các số hạng bằng nhau thành phép nhân rồi tính kết quả.

- $3 + 3 + 3 + 3 = 3 \times 4 = 12$
- $3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 3 \times 6 = 18$
- $5 + 5 + 5 + 5 + 5 = 5 \times 4 = 20$

Bài 3 : Bảy con gà có số chân là :

$$2 \times 7 = 14 \text{ (chân)}$$

Đáp số : 14 chân gà

Bài 4: Tám bộ quần áo cần số mét vải là :

$$3 \times 8 = 24 \text{ (m)}$$

Đáp số : 24 mét vải

Bài 5 : Điền dấu $> < =$ vào ô trống :

$$\begin{array}{ccc} \text{a) } 2 \times 4 + 32 & \boxed{>} & 2 \times 5 + 23 \\ 8 + 32 & & 10 + 23 \\ 40 & & 33 \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{b) } 2 \times 10 + 67 & \boxed{>} & 2 \times 7 + 54 \\ 20 + 67 & & 14 + 54 \\ 87 & & 68 \end{array}$$

Bài 6: Viết tiếp 3 số vào chỗ chấm

a, 8, 10, 12, **14, 16, 18**, 20.

b, 20, 18, 16, **14, 12, 10**, 8.

C, 24, 21, 18, **15, 12, 9**, 6.

BÀI ÔN TẬP MÔN TOÁN - KHỐI 2 – ĐỀ 3

1

(Tuần tự học)

PHẦN I : TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Bài 1 : 2 được lấy 4 lần ta có phép nhân :

A. 2×4

B. 4×2

C. $2 + 2 + 2$

D. $2 + 2 + 2 + 2$

Bài 2: Tìm tích, biết các thừa số là 3 và 5 :

A. 8

B. 9

C. 15

D. 18

Bài 3: Lớp 1A kê 8 cái bàn, mỗi bàn có 2 học sinh ngồi. Hỏi lớp 1A có bao nhiêu học sinh ?

A. $8 \times 2 = 16$ (học sinh)

B. $8 + 2 = 10$ (học sinh)

C. $2 \times 8 = 16$ (học sinh)

Bài 4 : Có 3 bao gạo, bao thứ nhất nặng 15 kg, bao thứ hai nặng 28 kg, bao thứ ba nặng 24 kg. Hỏi cả 3 bao nặng tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo ?

A. 65 kg

B. 66 kg

C. 67 kg

D. 68 kg

Bài 5 :Nhà Lan nuôi một đàn gia cầm, trong đó có 34 con gà. Số vịt nhiều hơn số gà là 16 con. Hỏi đàn gia cầm có tất cả bao nhiêu con gà và vịt ?

A. 50 con

B. 18 con

C. 84 con

D. 94 con

PHẦN II. TỰ LUẬN

Bài 1: Điền số thích hợp vào ô trống :

a) $2 \times \square + 5 = 15$

.....

b) $\square \times 8 - 2 = 14$

.....

d) $2 \times \square + 3 = 9$

.....

e) $\square \times 7 + 6 = 20$

.....

Bài 2: Tính

a) $4 \times 5 = \dots\dots\dots$

$20 : 5 = \dots\dots\dots$

$20 : 4 = \dots\dots\dots$

b) $3 \times 4 = \dots\dots\dots$

$12 : 3 = \dots\dots\dots$

$12 : 4 = \dots\dots\dots$

c) $5 \times 2 = \dots\dots\dots$

$10 : 5 = \dots\dots\dots$

$10 : 2 = \dots\dots\dots$

Bài 3 : Tính :

$$2 \times 4 + 31$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$43 - 2 \times 9$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$2 \times 5 + 2 \times 6$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$4 + 2 \times 7$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$2 \times 10 - 4$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$2 \times 9 - 2 \times 2$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

Bài 4 :

Một thùng nước mắm có 6 chục lít, người ta rót ra 9 lít. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít nước mắm ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

Bài 5*:

Trong hộp có 100 bút chì xanh và bút chì đỏ, trong đó có 35 bút chì xanh. Hỏi :

- Trong hộp có bao nhiêu bút chì đỏ ?
- Số bút chì đỏ hơn bút chì xanh là bao nhiêu chiếc ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHẦN I : TRẮC NGHIỆM Đáp án đúng

Bài 1: A. 2 x 4

Bài 2: C.15

Bài 3: C. $2 \times 8 = 16$ (học sinh)

Bài 4: C.67 kg

Bài 5: C. 84 con

PHẦN II : TỰ LUẬN

Bài 1: Điền số thích hợp vào ô trống :

a) $2 \times \boxed{5} + 5 = 15$

b) $\boxed{2} \times 8 - 2 = 14$

d) $2 \times \boxed{3} + 3 = 9$

e) $\boxed{2} \times 7 + 6 = 20$

Bài 2: Tính

a) $4 \times 5 = 20$

$20 : 5 = 4$

$20 : 4 = 5$

b) $3 \times 4 = 12$

$12 : 3 = 4$

$12 : 4 = 3$

c) $5 \times 2 = 10$

$10 : 5 = 2$

$10 : 2 = 5$

Bài 3 : Tính :

$$\begin{aligned} & 2 \times 4 + 31 \\ = & 8 + 31 \\ = & 39 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} & 43 - 2 \times 9 \\ = & 43 - 18 \\ = & 25 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} & 2 \times 5 + 2 \times 6 \\ = & 10 + 12 \\ = & 22 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} & 4 + 2 \times 7 \\ = & 4 + 14 \\ = & 18 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} & 2 \times 10 - 4 \\ = & 20 - 4 \\ = & 16 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} & 2 \times 9 - 2 \times 2 \\ = & 18 - 4 \\ = & 14 \end{aligned}$$

Bài 4: Bài giải

Đổi : 6 chục = 60

Trong thùng còn lại số lít nước mắm là :

$$60 - 9 = 51 \text{ (lít)}$$

Đáp số : 51 lít nước mắm

Bài 5: Bài giải

a. Trong hộp có số bút chì đỏ là :

$$100 - 35 = 65 \text{ (chiếc)}$$

b. Bút chì đỏ hơn bút chì xanh số chiếc là :

$$65 - 35 = 30 \text{ (chiếc)}$$

Đáp số : a. 65 chiếc bút chì đỏ

b. 30 chiếc bút